TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:26/2025/HNGĐ-ST Ngày: 15 - 9 - 2025 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dựng

Ông Phạm Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2002; CCCD:030302000300, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp 22/12/2021; Địa chỉ ĐKHKTT: Khu dân cư Ng, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là Tổ dân phố Ng, phường K, thành phố Hải Phòng); Hiện ở: KDC Huề Trì, phường An Phụ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Tổ dân phố Huề Trì, phường Tr, thành phố Hải Phòng). Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1999 ; CCCD:030099005108, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp 21/02/2024; Địa chỉ ĐKHKTT: Khu dân cư Ng, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là KDC Ng, phường K, thành phố Hải Phòng). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình L kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 12 năm 2020 được đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ

yếu là do anh L thường xuyên đi chơi qua đêm, bỏ bê công việc, không quan tâm gia đình vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, tranh chấp với nhau. Cuối năm 2022, anh L phải chấp hành án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chị vẫn đến thăm gặp, động viên anh L. Cho đến tháng 12 năm 2024, anh L đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, song anh L không thay đổi. Bố mẹ gia đình hai bên đều khuyên giải, bản thân chị cũng đã cho anh L nhiều cơ hội nhưng đều không có kết quả. Do chán nản, nêntháng 4 năm 2025 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại phường Tr, thành phố Hải Phòng ở, mọi quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn (nay là TAND khu vực 10 - Hải Phòng) giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình L.

Bị đơn anh Nguyễn Đình L trình bày: Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị L vào ngày 01 tháng 12 năm 2020, được đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do lỗi của anh, bản thân anh có ham chơi, nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã. Năm 2022, anh phải đi chấp hành án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chị L vẫn lên thăm nom, động viên anh, cho đến tháng 12/2024 khi anh trở về địa phương anh có đi chơi cùng bạn bè thì vợ chồng anh lại nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 4/2025, chị L bỏ về nhà ngoại ở, anh có thông qua mạng xã hội để trao đổi, động viên chị L về đoàn tụ, nhưng chị L không về. Nay chị L xin ly hôn, nhưng anh thấy tình cảm của anh đối với chị L vẫn còn, mặt khác anh muốn các con anh có cả bố và mẹ, nên anh không nhất trí ly hôn cùng chị L, còn nếu chị L vẫn giữ quan điểm ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 05/01/2020 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 19/5/2022. Hiện hai con đang ở cùng anh L. Nay ly hôn chị L đề nghị giao cả hai cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L nhất trí và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường K cung cấp: Chị L và anh L kết hôn ngày 01 tháng 12 năm 2020, được đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, hiện anh chị đã tự sống ly thân. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn thì địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành làm việc cùng bà Vũ Thị Ng (mẹ đẻ chị L), cũng trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

Tòa án tiến hành làm việc cùng bà Lương Thị Nh (mẹ đẻ anh L), cũng trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh L. Nếu trường hợp anh L được nuôi các con, thì gia đình bà sẽ tạo mọi điều kiện về tinh thần cũng như vật chất để hỗ trợ cho anh L nuôi các cháu.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L giữ nguyên quan điểm đã trình bày, anh L vắng mặt và không có yêu cầu trình bày thêm. Đại diện VKSND khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng, còn bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 05/01/2020 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 19/5/2022 cho anh Nguyễn Đình L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu cấp dưỡng. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Đình L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu dân cư Ng, phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Tổ dân phố Ng, phường K, thành phố Hải Phòng). Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, anh Nguyễn Đình L không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng) thụ lý và xét xử vắng mặt anh L là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Đình L trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị L đề nghị xin ly hôn anh L, chủ yếu là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tháng 4/2025, chị L đã về nhà mẹ đẻ ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị chấm dứt. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh L vắng mặt và cũng không có quan điểm trình bày thêm. Những điều đó, chứng tỏ

quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình L có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 05/01/2020 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 19/5/2022. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giao cả hai con chung cho anh L được nuôi dưỡng, bởi điều kiện hoàn cảnh của chị hiện nay chưa ổn định, chưa thể trực tiếp nuôi dạy hai con. Xét yêu cầu của các bên, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện hai cháu đang ở cùng anh L kể từ tháng 4/2025 cho đến nay. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, nên cần chấp nhận giao cả hai cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị L và anh L không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **L xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 05/01/2020 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 19/5/2022 cho anh Nguyễn Đình L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra việc giải quyết.

4. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số:0002854 ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Hải Phòng). Chị L đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày L án; Anh Nguyễn Đình L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (người được ủy quyền: Trưởng phòng Phòng THADS khu vực 10 - Hải Phòng);
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn *(UBND phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nay là phường K ,thành phố Hải Phòng số 42/2020);*
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền